

GIAO CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG GIẢM NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 21a/KH-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thụy Hùng)

Stt	Thôn	Số hộ thực tế năm 2025	Số hộ nghèo, CN năm 2025	Số hộ nghèo đầu năm 2025		Chỉ tiêu giảm hộ nghèo năm 2025				Số hộ cận nghèo đầu năm 2025		Chỉ tiêu giảm hộ cận nghèo trong năm 2025			
				Hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo giảm trong năm		Số hộ nghèo cuối năm 2025		Hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ cận nghèo giảm trong năm		Số hộ cận nghèo cuối năm 2025	
						Hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ nghèo	Tỷ lệ (%)			Hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)
1	Nà Liên	57	9	3	5,26	1	1,75	2	3,51	6	10,53		0,00	6	10,53
2	Đâng Van	109	11				0,00		0,00	11	10,09	3	2,75	8	7,34
3	Bản Ánh	74	1				0,00		0,00	1	1,35		0,00	1	1,35
4	Pác Cú	98	15	2	2,04		0,00	2	2,04	13	13,27		0,00	13	13,27
5	Đon Chang	40	2				0,00		0,00	2	5,00		0,00	2	5,00
6	Còn Bó	46	6	1	2,17	1	2,17		0,00	5	10,87		0,00	5	10,87
7	Pá Chí	34	5	3	8,82		0,00	3	8,82	2	5,88		0,00	2	5,88
8	Bản Cẩu	52	2				0,00		0,00	2	3,85		0,00	2	3,85
9	Pàn Phước	47	3				0,00		0,00	3	6,38		0,00	3	6,38
10	Nà Phân	50	5	2	4,00		0,00	2	4,00	3	6,00		0,00	3	6,00
11	Nà Vạc	54	9	1	1,85	1	1,85	0	0,00	8	14,81		0,00	8	14,81
12	Khau Slung	51	5				0,00		0,00	5	9,80	1	1,96	4	7,84

13	Bản Tả	57	22	6	10,53	4	7,02	2	3,51	16	28,07	3	5,26	13	22,81
14	Còn Ngò	61	18	5	8,20	2	3,28	3	4,92	13	21,31	3	4,92	10	16,39
15	Cúc Lùng	82	23	9	10,98	4	4,88	5	6,10	14	17,07	3	3,66	11	13,41
16	Bản Mới	47	11	2	4,26	1	2,13	1	2,13	9	19,15	2	4,26	7	14,89
17	Na Hình	69	18	8	11,59	4	5,80	4	5,80	10	14,49	3	4,35	7	10,14
18	Nà So, Nà Lu	47	18	6	12,77	2	4,26	4	8,51	12	25,53	3	6,38	9	19,15
19	Pác Cáy	61	16	9	14,75	4	6,56	5	8,20	7	11,48	2	3,28	5	8,20
20	Pá Tấp	71	3	1	1,41	1	1,41		0,00	2	2,82		0,00	2	2,82
21	Pò Hà	43	6	2	4,65	1	2,33	1	2,33	4	9,30	2	4,65	2	4,65
22	Bản Châu	52	3	2	3,85		0,00	2	3,85	1	1,92		0,00	1	1,92
23	Bản Pên	57	7	1	1,75	1	1,75		0,00	6	10,53	3	5,26	3	5,26
24	Khuổi Chang	52	3	1	1,92		0,00	1	1,92	2	3,85		0,00	2	3,85
25	Manh Dưới	56	3	1	1,79		0,00	1	1,79	2	3,57		0,00	2	3,57
26	Manh Trên	43	3	1	2,33		0,00	1	2,33	2	4,65		0,00	2	4,65
27	Nà Tông	90	11	4	4,44	2	2,22	2	2,22	7	7,78	2	2,22	5	5,56
	Tổng Cộng	1.600	238	70	4,38	29	1,81	41	2,56	168	10,50	30	1,88	138	8,63